



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP
VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

A member of  HLB International

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-35



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Từ ngày 04/01/2013
	Thành viên	Đến ngày 04/01/2013
Ông Lê Phan Đức	Chủ tịch	Đến ngày 04/01/2013
	Thành viên	Từ ngày 04/01/2013
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch	Từ ngày 04/01/2013
	Thành viên	Đến ngày 04/01/2013
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/01/2013
Ông Lê Phan Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/01/2013
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 07/05/2013
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 04/01/2013
		Miễn nhiệm ngày 07/05/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Tú	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Nguyễn Đức Vị	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Ngô Anh Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Số: 1057/2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

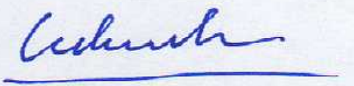
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên



Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		513.594.368.260	550.844.802.615
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.479.068.042	17.758.402.901
111	1. Tiền		8.479.068.042	17.758.402.901
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		81.600.000	81.600.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		81.600.000	81.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		340.710.889.751	345.225.472.533
131	1. Phải thu của khách hàng		331.846.364.466	339.534.835.018
132	2. Trả trước cho người bán		6.046.715.900	2.416.927.155
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.817.809.385	3.273.710.360
140	IV. Hàng tồn kho	5	151.190.846.753	172.460.339.622
141	1. Hàng tồn kho		151.190.846.753	172.460.339.622
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.131.963.714	15.318.987.559
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		38.778.365	70.989.095
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		480.831.047	5.711.407.463
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	12.612.354.302	9.536.591.001
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		475.742.649.688	483.974.108.617
220	II. Tài sản cố định		159.261.689.311	162.560.510.864
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	116.469.658.511	120.242.437.625
222	- Nguyên giá		205.637.630.673	201.952.927.946
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(89.167.972.162)	(81.710.490.321)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	16.201.620.561	16.379.489.361
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.087.269.268)	(1.909.400.468)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	26.590.410.239	25.938.583.878
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	307.839.815.621	312.165.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		74.650.000.000	74.650.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.515.000.000	77.515.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		160.000.000.000	160.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.325.184.379)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.641.144.756	9.248.597.753
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.641.144.756	9.248.597.753
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		989.337.017.948	1.034.818.911.232



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		518.783.418.551	566.218.261.960
310	I. Nợ ngắn hạn		497.952.607.851	563.271.727.042
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	361.938.592.686	389.750.567.806
312	2. Phải trả người bán		123.616.520.173	143.464.957.058
313	3. Người mua trả tiền trước		6.911.983.201	4.763.209.265
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	199.583.633	475.409.129
315	5. Phải trả người lao động		1.391.055.377	2.441.223.365
316	6. Chi phí phải trả	14	2.328.462.452	3.158.569.896
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	278.933.628	18.015.351.744
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.287.476.701	1.202.438.779
330	II. Nợ dài hạn		20.830.810.700	2.946.534.918
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	20.830.810.700	2.529.810.700
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	416.724.218
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		470.553.599.397	468.600.649.272
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	470.553.599.397	468.600.649.272
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
414	4. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.514.184.200	9.805.846.278
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.132.092.100	4.777.923.139
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.089.699.890	26.199.256.648
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		989.337.017.948	1.034.818.911.232



37
G
PHÁ
3 TH
I - E
3 PIPE
ÊN 1

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	30/06/2013	01/01/2013
	minh		
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		230.681,96	170.497,35

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập




Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhi

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	947.107.194.167	1.103.046.587.118
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	4.139.833.887	2.489.165.350
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	942.967.360.280	1.100.557.421.768
11	4. Giá vốn hàng bán	21	899.118.716.619	1.069.712.832.939
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.848.643.661	30.844.588.829
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	14.254.418.415	20.604.751.849
22	7. Chi phí tài chính	23	30.334.412.545	31.975.804.883
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.972.940.754	30.818.936.736
24	8. Chi phí bán hàng	24	14.064.587.566	8.196.793.762
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.378.749.044	7.886.257.184
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.325.312.921	3.390.484.849
31	11. Thu nhập khác		167.683	14.978.929
32	12. Chi phí khác		2.345.579	98.081
40	13. Lợi nhuận khác		(2.177.896)	14.880.848
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.323.135.025	3.405.365.697
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	701.482.878	465.870.380
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.621.652.147	2.939.495.317

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhi



Nguyễn Hữu Thế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.323.135.025	3.405.365.697
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		7.635.350.641	5.625.929.875
03	- Các khoản dự phòng		4.325.184.379	(3.235.450.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.420.887.871)	(15.300.561.892)
06	- Chi phí lãi vay		24.972.940.754	30.818.936.736
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.835.722.928	21.314.220.416
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.755.405.810	36.624.548.154
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.269.492.869	59.818.027.913
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(20.907.246.368)	(82.288.948.600)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		639.663.727	2.321.468.001
13	- Tiền lãi vay đã trả		(27.270.902.245)	(31.838.628.529)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(928.617.310)	(106.443.872)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.620.515.724	9.236.270.659
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.663.449.012)	(8.380.688.318)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.350.586.123	6.699.825.824
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(651.869.653)	(22.506.099.155)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.787.554.538	19.672.119.893
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.135.684.885	(2.833.979.262)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		842.431.278.088	945.300.090.097
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(870.243.253.208)	(964.412.883.481)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.953.630.747)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(31.765.605.867)	(19.112.793.384)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.279.334.859)	(15.246.946.822)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		17.758.402.901	23.743.959.378
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.479.068.042</u>	<u>8.497.012.556</u>


Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Thúy


Nguyễn Thị Nhi



Nguyễn Hữu Thê



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 02 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

ÔNG T
NHIỆM VỤ
KIỂM T
ASC
KIỂM - TP

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo kể từ năm 2007;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập cá nhân có được của các thành viên Công ty do góp vốn mua cổ phần đầu tư vào dự án trong thời hạn 10 năm kể từ khi nhà đầu tư đó có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập đối với cá nhân;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về việc miễn giảm tiền thuê đất cho cơ sở sản xuất kinh doanh, Công ty được miễn tiền thuê đất đến 04/12/2020.

1001
CỘNG HÒA
CHÍNH
NG KIỂM
AA
KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	659.609.806	652.891.257
Tiền gửi ngân hàng	7.819.458.236	17.105.511.644
	<u>8.479.068.042</u>	<u>17.758.402.901</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	26.419.624	21.658.177
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	19.871.353
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	2.791.972
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	1.700.000.000	2.066.666.667
Phải thu khác	1.091.389.761	1.162.722.191
	<u>2.817.809.385</u>	<u>3.273.710.360</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.860.925.334	45.358.597.226
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.315.155.541	7.455.700.026
Thành phẩm	104.552.970.340	117.847.348.991
Hàng hoá	28.116.849	52.236.705
Hàng gửi đi bán	1.433.678.689	1.746.456.674
	<u>151.190.846.753</u>	<u>172.460.339.622</u>

Hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay xem chi tiết tại thuyết minh số 12.

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	7.428.807.412	6.805.720.691
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.183.546.890	2.730.870.310
	<u>12.612.354.302</u>	<u>9.536.591.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	95.253.799.764	96.726.405.568	8.415.844.264	1.556.878.350	-	201.952.927.946
Mua sắm mới	782.830.000	-	2.901.872.727	-	-	3.684.702.727
Số dư cuối kỳ	96.036.629.764	96.726.405.568	11.317.716.991	1.556.878.350	-	205.637.630.673
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	19.011.083.845	57.812.414.576	4.437.889.503	449.102.397	-	81.710.490.321
Trích khấu hao	2.074.703.525	4.776.810.843	474.554.880	131.412.593	-	7.457.481.841
Số dư cuối kỳ	21.085.787.370	62.589.225.419	4.912.444.383	580.514.990	-	89.167.972.162
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	76.242.715.919	38.913.990.992	3.977.954.761	1.107.775.953	-	120.242.437.625
Tại ngày cuối kỳ	74.950.842.394	34.137.180.149	6.405.272.608	976.363.360	-	116.469.658.511

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.393.690.952 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số dư cuối kỳ	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	1.848.946.718	60.453.750	1.909.400.468
Trích khấu hao	174.193.800	3.675.000	177.868.800
Số dư cuối kỳ	2.023.140.518	64.128.750	2.087.269.268
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	16.370.118.111	9.371.250	16.379.489.361
Tại ngày cuối kỳ	16.195.924.311	5.696.250	16.201.620.561

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Số dư đầu kỳ	25.938.583.878	16.496.578.863
Số tăng trong kỳ	651.826.361	40.748.796.868
Số dư cuối kỳ	26.590.410.239	57.245.375.731
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.590.410.239	25.938.583.878
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh	18.015.864.785	17.364.038.424
	26.590.410.239	25.938.583.878

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào công ty con	74.650.000.000	74.650.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	59.950.000.000	59.950.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	14.700.000.000	14.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	77.515.000.000	77.515.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	66.640.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	10.875.000.000
Đầu tư dài hạn khác	160.000.000.000	160.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.325.184.379)	-
	307.839.815.621	312.165.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	43,81%	49,00%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
	160.000.000.000	160.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, phụ lục hợp đồng cho vay ngày 20/10/2011, Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay số tiền là 160 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.248.597.753	11.886.244.466
Số tăng trong kỳ	1.823.113.615	2.177.959.474
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(2.430.566.612)	(4.491.741.900)
Số dư cuối kỳ	8.641.144.756	9.572.462.040

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.852.708.439	6.940.940.737
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	695.593.897	517.981.419
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.092.842.420	1.789.675.597
	8.641.144.756	9.248.597.753

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	361.938.592.686	389.750.567.806
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	224.166.836.448	235.175.674.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	57.670.000.000	47.270.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	41.179.870.000	43.874.800.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	13.121.886.238	3.884.900.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Phòng GD Đào Duy Anh ⁽⁵⁾	25.800.000.000	11.311.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc	-	48.234.193.806
	361.938.592.686	389.750.567.806

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐHM ngày 02/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 300 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty; số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 12.32.0055/HĐTD ngày 01/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ống thép và thép các loại.
- + Thời hạn thời hạn vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng linh hoạt theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời điểm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, ngân hàng sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo khi cần thiết;

(3) Hợp đồng tín dụng số 0181125/HĐTD2-VIB ngày 12/07/2011 và phụ lục số 0181125.02-PLHDDTD2/VIB ngày 05/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, kinh doanh sắt thép;
- + Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 5 tháng và được quy định trong từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần giải ngân;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác được ngân hàng chấp thuận.

(4) Hợp đồng tín dụng số số 145/12/TD/XXI ngày 31/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn hợp đồng: 12 tháng từ 31/10/2012 đến 31/10/2013, thời hạn vay của mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại từng thời điểm rút vốn;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng hàng tồn kho là nguyên, nhiên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(5) Hợp đồng tín dụng số 0025/2012/HDTD01 - OCEANBANK02/DDA ngày 31/10/2012, chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ 31/10/2012, thời hạn vay của mỗi khách ước tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong từng khách ước tại thời điểm góp vốn;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: quyền đòi nợ dựa trên giá trị hợp đồng đầu ra đã ký kết thể hiện rõ số lượng, chủng loại, đơn giá cụ thể của hàng tồn kho.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	177.163.173	404.297.605
Thuế Thu nhập cá nhân	22.420.460	71.111.524
	<u>199.583.633</u>	<u>475.409.129</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	632.775.956	2.930.737.447
Chi phí mua hàng nhập khẩu	1.300.000.000	-
Chi phí phải trả khác	395.686.496	227.832.449
	<u>2.328.462.452</u>	<u>3.158.569.896</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.915.395	114.935.979
Phải trả cổ tức cho cổ đông	163.018.233	156.284.880
Phải trả, phải nộp khác	30.000.000	17.744.130.885
	<u>278.933.628</u>	<u>18.015.351.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.562.810.700	2.529.810.700
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.268.000.000	-
	<u>20.830.810.700</u>	<u>2.529.810.700</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,

Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012							
Số dư đầu kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	9.805.846.278	4.777.923.139	19.115.877.429	461.517.270.053
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	2.939.495.317	2.939.495.317
Số dư cuối kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	9.805.846.278	4.777.923.139	22.055.372.746	464.456.765.370
Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013							
Số dư đầu kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	9.805.846.278	4.777.923.139	26.199.256.648	468.600.649.272
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	6.621.652.147	6.621.652.147
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	708.337.922	354.168.961	(5.731.208.905)	(4.668.702.022)
Số dư cuối kỳ	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	10.514.184.200	5.132.092.100	27.089.699.890	470.553.599.397

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 23 tháng 03 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.083.379.219
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	708.337.922
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	354.168.961
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	708.337.922
Chi trả cổ tức	55,91%	3.960.364.100
Lợi nhuận chưa phân phối	19,09%	1.352.170.314

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	6,03%	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Vốn góp của cổ đông khác	87,69%	329.712.110.000	87,69%	329.712.110.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	+ Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.960.364.100	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	3.960.364.100	-

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.514.184.200	9.805.846.278
Quỹ dự phòng tài chính	5.132.092.100	4.777.923.139
	15.646.276.300	14.583.769.417

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm	462.005.229.951	430.538.234.718
Doanh thu bán hàng hóa	480.701.419.530	670.475.891.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.400.544.686	2.032.460.715
	947.107.194.167	1.103.046.587.118

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.138.970.367	2.475.242.964
Hàng bán bị trả lại	863.520	13.922.386
	<u>4.139.833.887</u>	<u>2.489.165.350</u>

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	457.865.396.064	428.049.069.368
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	480.701.419.530	670.475.891.685
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	4.400.544.686	2.032.460.715
	<u>942.967.360.280</u>	<u>1.100.557.421.768</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	417.485.190.479	412.708.288.424
Giá vốn của hàng hóa đã bán	479.375.960.492	656.914.232.395
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.257.565.648	90.312.120
	<u>899.118.716.619</u>	<u>1.069.712.832.939</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	12.112.581.621	15.287.892.062
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.745.908.139	2.393.427.830
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.972.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.306.250	-
Lãi bán ngoại tệ	50.802.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	36.820.405	951.431.957
	<u>14.254.418.415</u>	<u>20.604.751.849</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.972.940.754	30.818.936.736
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	4.352.758.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.036.287.412	39.560.147
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.325.184.379	(3.235.450.000)
	30.334.412.545	31.975.804.883

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	285.349.754	96.440.388
Chi phí nhân công	1.962.938.045	1.808.367.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	437.034.336	437.034.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.063.098.850	5.543.542.479
Chi phí khác bằng tiền	316.166.581	311.408.716
	14.064.587.566	8.196.793.762

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	529.884.927	485.267.447
Chi phí nhân công	3.181.851.809	2.589.781.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	871.506.705	902.091.402
Thuế, phí, lệ phí	276.739.760	276.877.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.850.562	2.918.059.690
Chi phí khác bằng tiền	590.915.281	714.179.773
	6.378.749.044	7.886.257.184

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.323.135.025	3.405.365.697
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(308.306.250)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(308.306.250)	-
Tổng thu nhập tính thuế	7.014.828.775	3.405.365.697
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	1.753.707.194	851.341.424
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(1.052.224.316)	(385.471.044)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	701.482.878	465.870.380
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	404.297.605	(45.899.970)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(928.617.310)	(106.443.872)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	177.163.173	313.526.538

(*) Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động sản xuất, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo kể từ năm 2007. Công ty được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.739.067.033	401.217.305.433
Chi phí nhân công	7.858.877.550	6.779.599.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.865.029.303	3.831.384.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.535.625.298	15.750.895.984
Chi phí khác bằng tiền	1.187.493.553	1.302.466.076
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	440.186.092.737	428.881.651.490

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.479.068.042	-	17.758.402.901	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	334.664.173.851	-	342.808.545.378	-
Đầu tư ngắn hạn	81.600.000	-	81.600.000	-
Đầu tư dài hạn	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
	503.224.841.893	-	520.648.548.279	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	361.938.592.686	389.750.567.806
Phải trả người bán, phải trả khác	144.726.264.501	164.010.119.502
Chi phí phải trả	2.328.462.452	3.158.569.896
	508.993.319.639	556.919.257.204

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.479.068.042	-	-	8.479.068.042
Phải thu khách hàng, phải thu khác	334.664.173.851	-	-	334.664.173.851
Đầu tư ngắn hạn	81.600.000	-	-	81.600.000
Đầu tư dài hạn	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	343.224.841.893	160.000.000.000	-	503.224.841.893
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.758.402.901	-	-	17.758.402.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	342.808.545.378	-	-	342.808.545.378
Đầu tư ngắn hạn	81.600.000	-	-	81.600.000
Đầu tư dài hạn	-	160.000.000.000	-	160.000.000.000
	360.648.548.279	160.000.000.000	-	520.648.548.279

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	361.938.592.686	-	-	361.938.592.686
Phải trả người bán, phải trả khác	123.895.453.801	20.830.810.700	-	144.726.264.501
Chi phí phải trả	2.328.462.452	-	-	2.328.462.452
	<u>488.162.508.939</u>	<u>20.830.810.700</u>	<u>-</u>	<u>508.993.319.639</u>
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	389.750.567.806	-	-	389.750.567.806
Phải trả người bán, phải trả khác	161.480.308.802	2.529.810.700	-	164.010.119.502
Chi phí phải trả	3.158.569.896	-	-	3.158.569.896
	<u>554.389.446.504</u>	<u>2.529.810.700</u>	<u>-</u>	<u>556.919.257.204</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	457.865.396.064	480.701.419.530	4.400.544.686	942.967.360.280	-	942.967.360.280
Chi phí bộ phận trực tiếp	417.485.190.479	479.375.960.492	2.257.565.648	899.118.716.619	-	899.118.716.619
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.380.205.585	1.325.459.038	2.142.979.038	43.848.643.661	-	43.848.643.661
Tài sản bộ phận trực tiếp	413.498.348.917	196.935.396.749	56.398.277.849	666.832.023.515	-	666.832.023.515
Tài sản không phân bổ	-	-	-	322.504.994.433	-	322.504.994.433
Tổng tài sản	413.498.348.917	196.935.396.749	56.398.277.849	989.337.017.948	-	989.337.017.948
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	240.897.004.997	255.575.107.920	2.562.810.700	499.034.923.617	-	499.034.923.617
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.748.494.934	-	19.748.494.934
Tổng nợ phải trả	240.897.004.997	255.575.107.920	2.562.810.700	518.783.418.551	-	518.783.418.551

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm hoạt động trong nước và hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, hoạt động trong nước chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	18.446.065.556	28.872.826.212
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	3.814.944.333	1.229.800.468
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	486.457.560	708.651.995
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	673.195.483	998.047.517
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	38.449.785	121.780.196
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	109.926.612	107.428.501
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	2.873.646.324	12.218.181
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt Đức	Công ty con	8.444.500	-
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	182.538.173	5.267.909
Lãi cho vay vốn			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	12.066.666.668	15.202.177.777

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	5.485.511.691	22.038.095.133
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	136.850.158	694.744.138
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	176.793.375	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	-	61.029.128
Đầu tư dài hạn khác			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.700.000.000	2.066.666.667
Phải thu khác			
- Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	120.268.875	101.009.595
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	193.587.009
Khách hàng ứng trước tiền hàng			
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Công ty con	1.783.850.134	2.338.664.504
Phải trả khác			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.268.000.000	17.740.000.000

(*) Vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	297.470.150	290.589.962

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhi

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế